TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUẾ PHONG** **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 82/2019/QĐST-HNGĐ	*Quế Phong, ngày 27 tháng 9 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 103/2019/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2019, giữa:

Nguyên đơn: Chị Lê Ngọc A, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Bản D, xã M, huyện Q, tỉnh Nghệ An.

Bị đơn: Anh La Văn T, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Bản D, xã M, huyện Q, tỉnh Nghệ An.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 20 tháng 9 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 20 tháng 9 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lê Ngọc A và anh La Văn T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Ngọc A và anh La Văn T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao cho chị Lê Ngọc A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là La Lê N, sinh ngày 24/6/2015. Anh La Văn T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng cho chị Lê Ngọc A, mỗi tháng 2.000.000đ(Hai triệu đồng) kể từ tháng 9/2019 đến khi con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành. Anh La Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Chị Lê Ngọc A và anh La Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Lê Ngọc A và anh La Văn T là người dân tộc thiểu số, sinh sống trên địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn nên được miễn nộp án phí ly hôn sơ thẩm và miễn nộp án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

Kể từ khi quyết định có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu của người được thi hành án đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Phong;
- UBND xã M;
- Chi cục THADS huyện Quế Phong;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Duy Tuấn